

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:81/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2017.

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Sinh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/. Ông Trần Thanh Hải;

2/. Bà Vòng Cảnh Mỹ Dung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Minh Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 488/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2017 về việc “Ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1975; địa chỉ: đường H, Khu phố 4 phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1975; địa chỉ: đường Đ, Khu phố 5, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 6 năm 2017 và quá trình xét xử, nguyên đơn trình bày: Bà Nguyễn Thị Kim Y và ông Nguyễn Hữu H chung sống với nhau từ năm 2014, có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn vào ngày 12 tháng 7 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 51/2014, quyển số 01 ngày 12/7/2014.

Quá trình chung sống, do tính tình vợ chồng không hòa hợp, ông Nguyễn Hữu H có thái độ khinh thường, hay đánh đập bà Y. Đầu năm 2016 bà Y đã nộp đơn ly hôn với ông H, sau đó ông H xin lỗi và hứa sửa đổi nên bà Y đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên đến nay ông H vẫn không thay đổi mà vẫn tiếp tục đánh đập bà Y, đầu năm 2017 bà Y và ông H đã sống ly thân cho đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, không thể hàn gắn được, mục

đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, bà Y yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Y được ly hôn với ông H.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau: Chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của bà Nguyễn Thị Kim Y, Giấy chứng nhận kết hôn.*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt cho bị đơn ông Nguyễn Hữu H các thông báo, quyết định của Tòa án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng ông H vẫn vắng mặt không lý do và cũng không gửi cho cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình. Do vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Qua xác minh tại địa phương nơi nguyên đơn và bị đơn cư trú, cho biết: Bà Nguyễn Thị Kim Y và ông Nguyễn Hữu H là vợ chồng; sau khi kết hôn, bà Y và ông H sống cùng với mẹ ông H, trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cãi vã, mâu thuẫn giữa vợ chồng, mâu thuẫn giữa mẹ chồng và con dâu, Hiện nay hai vợ chồng bà Y và ông H không còn sống chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự và người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, biên bản xác minh tại địa phương cho thấy mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị Kim Y và ông Nguyễn Hữu H đã nghiêm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y đối với ông H về việc ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Kim Y khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hữu H, đây là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình). Bị đơn ông Nguyễn Hữu H hiện cư trú tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3

Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Hữu H.

[3] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim Y và ông Nguyễn Hữu H được xác lập trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp. Bà Y và ông H có thời gian tìm hiểu và đăng ký kết hôn đúng quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà Y, quá trình chung sống do tính tình vợ chồng không hòa hợp, ông Nguyễn Hữu H có thái độ khinh thường, hay đánh đập bà Y. Đầu năm 2016 bà Y đã nộp đơn ly hôn với ông H, sau đó ông H xin lỗi và hứa sửa đổi nên bà Y đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên đến nay ông H vẫn không thay đổi mà tiếp tục đánh đập bà Y, đầu năm 2017 bà Y và ông H đã sống ly thân cho đến nay.

[4] Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc nên vợ chồng phải có trách nhiệm chăm sóc, giúp đỡ nhau về mọi mặt, tin tưởng thương yêu nhau. Những mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng cần phải tìm cách giải quyết để xây dựng gia đình hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà Y, ông H đến Tòa án để tiến hành hòa giải đoàn tụ, nhưng ông H không đến. Chứng tỏ ông H không có thiện chí hòa giải, không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Đối với bà Y cũng đã xác định hiện nay không còn tình cảm với ông H và vợ chồng không còn chung sống với nhau. Như vậy, có cơ sở để khẳng định mâu thuẫn giữa bà Y và ông H đã nghiêm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà Y là có cơ sở. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Y đối với ông H và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết .

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Y phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 203, 220, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim Y đối với ông Nguyễn Hữu H về việc “ly hôn”:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim Y được ly hôn với ông Nguyễn Hữu H.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 51/2014, quyển số 01 ngày 12/7/2014 do Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Kim Y không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim Y phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng); được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0001194 ngày 30/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Duy Sinh**